TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **THÀNH PHỐ H** --- Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST Ngày: 23-8-2018 *V/v: Ly hôn*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*** ----------

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ- THÀNH PHỐ H

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Phạm Thị Thu H.**

Hội thẩm nhân dân: 1/ **Ông Hoàng Quang L.**

2/ **Bà Nguyễn Thị M.**

Thư ký ghi biên bản phiên toà: **Ông Thịnh Quang T** – Thư ký Toà án nhân dân Huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thị Việt H – Kiểm sát viên.

Ngày 23/8/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 117/2018/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXX ngày 03/8/2018. Giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn*: Anh Phạm Quốc H** - Sinh năm 1975.
Nghề nghiệp: Nhân viên Công ty TNHH H.

2. ***Bị đơn*: Chị Trịnh Thị D** – Sinh năm 1981.
Nghề nghiệp: Nhân viên Công ty TNHH H.
Cùng có HKTT và chỗ ở hiện nay: Tập thể Cty cơ khí và xây dựng T - xã H - huyện Đ - Thành phố H.

Có mặt: Anh H, chị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2018, các lời khai tại bản tự khai và các biên bản hòa giải - anh Phạm Quốc H là nguyên đơn trình bày:***

Anh H kết hôn với chị D trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại UBND xã K, huyện B, tỉnh H ngày 08/10/2007. Sau khi cưới anh H và chị D về Tập thể Công ty cơ khí và xây dựng T, xã H, huyện Đ, Thành phố H ở và sinh sống đến nay. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, sau đó phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn vợ chồng sâu sắc từ năm 2013 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do anh H và chị D không hợp nhau trong tính cách, bất đồng quan điểm trong nhận thức và không tin tưởng nhau trong cuộc sống hàng ngày, nhất là về kinh tế; dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau, đánh nhau; anh H chán nản không về nhà mà tụ tập rượu chè và có quan hệ với người khác làm cho cuộc sống gia đình bị ức chế, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Anh H và chị D đã ăn ở riêng từ tháng 10/2017, từ đó vợ chồng sống ly thân và hai bên không có quan hệ hay trách nhiệm gì với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng chưa được gia đình hai bên hòa giải và địa phương cũng chưa hòa giải. Nay anh H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã sâu sắc và trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có, anh H yêu cầu được ly hôn chị D.

+ Về con chung: Anh H và chị D có 02 con chung là Phạm Minh D, sinh ngày 22/8/2007 và Phạm Minh H, sinh ngày 24/10/2012. Hiện tại hai cháu khi ở cùng anh H, khi ở cùng chị D. Ly hôn anh H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H, chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D, đến khi các con thành niên hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Anh H và chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Mỗi bên nuôi một con nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu anh H nuôi hai con không yêu cầu chị D cấp dưỡng, nếu chị D nuôi hai con anh Hoàn không cấp dưỡng. Hiện nay anh H làm việc tại Công ty TNHH H, thu nhập bình quân khoảng 6.000.000đ/tháng.

- Về tài sản, nợ, công sức chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nhà ở: Vợ chồng có một gian nhà tập thể có diện tích 37,9m2 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Anh H xin rút yêu cầu khởi kiện chia nhà, đất như trong đơn và tại Tòa án anh đã trình bày để vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

**** Lời khai tại bản tự khai và các biên bản hòa giải - Bị đơn chị Trịnh Thị D trình bày:***

Chị D và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại UBND xã K, huyện B, tỉnh H ngày 08/10/2007. Sau khi cưới anh H và chị D về ở Tập thể Công ty cơ khí và xây dựng T, xã H, huyện Đ, Thành phố H sinh sống đến nay. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn vợ chồng sâu sắc từ năm 2013 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do anh H và chị D không hợp nhau trong tính cách, bất đồng quan điểm trong nhận thức và không tin tưởng nhau trong cuộc sống hàng ngày, nhất là về kinh tế; dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau, đánh nhau; anh H chán nản không về nhà mà thường xuyên tụ tập rượu chè và có quan hệ với người khác làm cho cuộc sống gia đình bị ức chế, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Anh H và chị D

đã ăn ở riêng từ tháng 10/2017, từ đó vợ chồng sống ly thân và hai bên không có quan hệ hay trách nhiệm gì với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng chưa được gia đình hai bên hòa giải và địa phương cũng chưa hòa giải. Nay anh H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã sâu sắc và trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có, anh H yêu cầu được ly hôn, chị D nhất trí và hoàn toàn tự nguyện.

+ Về con chung: Anh H và chị Dcó 02 con chung là Phạm Minh D, sinh ngày 22/8/2007 và Phạm Minh H, sinh ngày 24/10/2012. Hiện tại hai cháu đều có sức khỏe tốt và khi ở cùng anh H, khi ở cùng chị D. Ly hôn cháu D có nguyện vọng ở với ai thì người đó được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu; Chị Dyêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H, đến khi các con thành niên hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Anh H và chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nếu mỗi bên nuôi một con thì không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu chị D nuôi hai con yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi hai con chung là 2.500.000đ/tháng/1 cháu. Hiện nay chị D làm ở Công ty TNHH H, thu nhập bình quân khoảng 7.000.000đ/tháng.

- Về tài sản, nợ, công sức chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nhà đất: Vợ chồng có một gian nhà tập thể có diện tích 37,9m2 và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Trong quá trình giải quyết vụ án chị D có yêu cầu Tòa án chia khối tài sản này. Nhưng nay tại buổi hòa giải chị D có yêu cầu xin rút yêu cầu chia tài sản là nhà đất của hai vợ chồng để vợ chồng tự giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

* Anh Phạm Quốc H giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện và lời khai trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Anh kiên quyết xin được ly hôn chị Trịnh Thị D vì tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn đã kéo dài và trầm trọng. Hai vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2017, chị D đã bỏ ra ngoài thuê nhà ở riêng tại ngõ A phố K - phường Đ - quận B– Thành phố H. Nhưng do chị D không đăng ký khai báo tạm trú tại đây nên Công an phường đã không xác nhận tạm trú cho chị D. Vì vậy anh và chị D đã thống nhất thỏa thuận vẫn khai tại Tòa án cùng có Hộ khẩu thường trú và nơi ở tại căn hộ nhà B Tập thể Cty cơ khí và xây dựng T - xã H - huyện Đ - Thành phố H và cả hai đã thống nhất cùng đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết việc ly hôn. Sau khi ly hôn anh H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Phạm Minh H, trường hợp anh nuôi cả hai con chung anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Anh H xin rút yêu cầu về việc chia tài sản chung vợ chồng là nhà đất tại căn hộ nhà B – Tập thể Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng T– xã H– huyện Đ– Thành phố H và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh H không có ý kiến gì khác.

* Chị Trịnh Thị D cũng giữ nguyên quan điểm đồng ý ly hôn với anh H và có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Phạm Minh H, đối với cháu Phạm Minh D chị tôn trọng ý kiến của cháu, cháu có nguyện vọng được ở

với ai thì người đó sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu, trường hợp chị nuôi cả hai con chung thì chị yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng. Chị D xin rút yêu cầu về việc chia tài sản chung vợ chồng là nhà đất tại căn hộ nhà B – Tập thể Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng T– xã H– huyện Đ– Thành phố H và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị D xác nhận việc chị đã bỏ đi thuê nhà ở riêng từ tháng 10/2017 tại ngõ A phố K - phường Đ - quận B– Thành phố H, nhưng do chị không khai báo tạm trú nên Công an phường không xác nhận tạm trú cho chị. Chị cũng nhất trí thống nhất thỏa thuận với anh H vẫn khai tại Tòa án cùng có Hộ khẩu thường trú và nơi ở tại căn hộ nhà B Tập thể Cty cơ khí và xây dựng T - xã H - huyện Đ - Thành phố H và cả hai đã thống nhất cùng đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết việc ly hôn. Ngoài ra chị D không có ý kiến gì khác.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến :

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo trình tự thủ tục pháp luật quy định. Đối với nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà hôm nay đã chấp hành tốt pháp luật không phải nhắc nhở, kiến nghị gì.

+ Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tình tiết nội dung của vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy căn cứ xin ly hôn của anh H là hợp pháp, việc chị D và anh H thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ nên đề nghị Tòa án ghi nhận; Về con chung: Cháu Phạm Minh D có nguyện vọng được ở với mẹ, đề nghị Tòa án giao cháu D cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Phạm Minh H cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung, vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật**:

Anh Phạm Quốc H và chị Trịnh Thị D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/10/2007 tại UBND xã K, huyện B, tỉnh H. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn, anh H có đơn xin ly hôn với chị D, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn”.

[2] **Về tư cách tham gia tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Anh Phạm Quốc H là người khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị Trịnh Thị D, do vậy anh H tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn, chị D tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn. Chị D và anh H đều có hộ khẩu thường trú tại Tập thể Công ty cơ khí và xây dựng T - xã H - huyện Đ - Thành phố H, hiện nay anh H vẫn đang ở tại địa chỉ trên, chị D đã thuê nhà ở riêng tại ngõ A phố K - phường Đ - quận B– Thành phố H, nhưng do chị D không khai báo tạm trú vì vậy Công an phường Đ không xác nhận tạm trú cho chị D. Anh H và chị D thống nhất thỏa thuận cùng đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ– Thành phố H giải quyết việc ly hôn, việc lựa chọn Tòa án giải quyết vụ án của anh H, chị D là hoàn tự nguyện và phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Đ– Thành phố H giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo sự lựa chọn của các đương sự.

[3] **Về nội dung**:

[3.1] Về tình cảm: Sau khi kết hôn anh H, chị D chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do anh chị không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm trong nhận thức, lối sống và không tin tưởng nhau trong cuộc sống hàng ngày, nhất là về kinh tế; dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau, đánh nhau, anh H thường xuyên không về nhà và đã có quan hệ với người phụ nữ khác. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2017 cho đến nay, không còn quan tâm tới nhau nữa. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài, anh H xin ly hôn, chị D cũng đồng ý. Vì vậy việc anh H, chị D thuận tình ly hôn là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Anh H và chị D có 02 con chung là Phạm Minh D, sinh ngày 22/8/2007 và Phạm Minh H, sinh ngày 24/10/2012. Hiện tại hai cháu đều có sức khỏe tốt và khi ở cùng anh H, khi ở cùng chị D.

Xét về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung: Chị D hiện nay là nhân viên tại Công ty TNHH H, thu nhập bình quân 7.000.000 đồng/tháng. Anh H hiện nay đang làm tại Công ty TNHH H, thu nhập bình quân lương cơ bản 6.000.000 đồng/tháng, ngoài ra còn có một số khoản thu nhập khác nhưng không ổn định. Anh H và chị D đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Minh H.

Xét thấy cả hai cháu đều rất cần có sự chăm sóc của người mẹ và sự dạy bảo của người cha, cháu Phạm Minh D có nguyện vọng được ở với mẹ, nhưng xét thấy điều kiện của chị D là phụ nữ, làm nhân viên văn phòng với mức thu nhập không phải là cao và nếu trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con trai là rất khó khăn vất vả, hơn nữa với mức thu nhập của anh H mức lương cơ bản 6.000.000 đồng/tháng, tuy cũng còn có một số khoản thu nhập khác nhưng không ổn định, nếu chị D trực tiếp nuôi cả hai con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi hai con 5.000.000 đồng/tháng là không hợp lý, không thể đảm bảo được cuộc sống cho anh H. Anh H và chị D đều có công việc làm và có thu nhập ổn định, tuy nhiên chỉ đều ở mức độ trung bình, nên mỗi

người đều không thể đủ điều kiện để trực tiếp nuôi cả hai con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Phạm Minh D có nguyện vọng được ở với mẹ nên giao cháu D cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, cũng hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của chị D là tôn trọng quyền quyết định của cháu D. Giao cháu Phạm Minh H cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hai con trai của anh H, chị Dđều đang ở độ tuổi rất cần có sự quan tâm, chăm sóc và giám sát chặt chẽ cũng như dạy bảo của bố mẹ, do vậy việc giao cho mỗi người nuôi một con chung là hoàn toàn phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con và phù hợp với qui định của pháp luật.

[3.3] Về tài sản chung là động sản, vay nợ và công sức chung: Anh H, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về tài sản chung là bất động sản: Anh H, chị D tự nguyện rút yêu cầu về việc chia tài sản chung là nhà đất là hoàn toàn tự nguyện, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí về việc yêu cầu chia tài sản chung đã nộp là 5.000.000 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điểm 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Quốc H và chị Trịnh Thị D.

2. Về con chung**:** Giao 01 con chung là Phạm Minh D - sinh ngày 22/8/2007 cho chị Trịnh Thị D, giao 01 con chung là Phạm Minh H - sinh ngày 24/10/2012 cho anh Phạm Quốc H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 8/2018 cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh H, chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung là động sản, vay nợ và công sức chung: Anh H, chị Diễm không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về tài sản chung là bất động sản: Ghi nhận sự tự nguyện rút yêu cầu chia tài sản chung là nhà đất tại căn hộ nhà B – Tập thể Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng T– xã H– huyện Đ– Thành phố H của anh H, chị D, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0001234 ngày 07/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Anh H được hoàn trả số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

6. Án xử công khai, sơ thẩm có mặt anh H, chị D. Anh H, chị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKS Đ;*
- *THA Đ;*
- *TAND thành phố H;*
- *UBND X.K, H.B, T.H;*
- *Lưu hồ sơ.*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Thu H

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà